TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **267**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05- 10- 2018
V/v *Không công nhận vợ chồng*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Văn Sử

2.Ông Nguyễn Quang Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04/9/2018 về không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn LQ, xã LH, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2.Bị đơn: Chị **Hà Thị Ph**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn LQ, xã LH, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh M và chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong phiên hoà giải anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị Hà Thị Ph quen biết, tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa Ph và vợ chồng anh về chung sống với gia đình tại thôn Làng Quài, xã Lực Hành, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận, không có mâu thuẫn, từ năm 2017 vợ chồng anh có bàn bạc để chị Ph đi làm công ty, anh cũng nhất trí nhưng sau khi chị Ph đi làm anh vẫn thường xuyên liên lạc được với chị Ph được khoảng 02 tháng thì anh không liên lạc được với chị Ph nữa và chị Ph đã có nhiều thay đổi, khi về nhà chị Ph cũng không về nhà mà về nhà mẹ đẻ sống, do vậy vợ chồng không còn quan tâm và yêu

thương nhau nữa, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do vợ chồng anh chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn nên anh đề nghị Toà án giải quyết không công nhận anh với chị Ph là vợ chồng.

Về con chung: Anh với chị Hà Thị Ph có hai con chung là Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 07/12/2012 và Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 12/7/2014. Anh đề nghị được nuôi hai con chung là Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 07/12/2012 và Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 12/7/2014, chị Ph tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Thanh Tr mỗi tháng 500.000đ, anh hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung: Anh xác nhận anh với chị Ph không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh với chị Ph không có vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Hà Thị Ph tại bản tự khai và phiên hoà giải trình bày;

Về quan hệ hôn nhân và lấy nhau theo phong tục địa Ph chung sống cùng anh M đúng như anh M trình bày. Quá trình chung sống anh chị sống tình cảm, hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng chị bàn bạc thống nhất cho chị đi làm công ty, chồng chị đều nhất trí và còn đưa chị đi nhưng khi chị đi làm được một tháng thì chồng chị bắt chị về, gọi điện mắng chị nên từ đó phát sinh mâu thuẫn, hiện nay chị với anh M không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh M, anh M có đơn đề nghị Toà án giải quyết không công nhận chị với anh M là vợ chồng chị nhất trí.

Về con chung: Chị với anh Nguyễn Văn M có hai con chung là Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 07/12/2012 và Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 12/7/2014. Anh M đề nghị được nuôi hai con chung là Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 07/12/2012 và Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 12/7/2014, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Thanh Tr mỗi tháng 500.000đ, Ph thức cấp dương theo tháng, kể từ tháng 11/2018.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị với anh M không có vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà: Anh Nguyễn Văn M và chị Hà Thị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt và đều giữ nguyên ý kiến đã trình bầy.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn M, tuyên:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn M và chị Hà Thị Ph.

Giao cháu Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 07/12/2012 và cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 12/07/2014 cho anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Hà Thị Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Tr 500.000 đồng/tháng cho tới khi cháu Tr đủ 18 tuổi, Ph thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Chị Ph có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Anh Nguyễn Văn M phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị Hà Thị Ph phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn M và chị Hà Thị Ph có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Làng Quài, xã Lực Hành, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn M có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết không công nhận giữa anh với chị Hà Thị Ph là vợ chồng. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các điều 28, 35 và điều 39 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án anh M và chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điều 228 và điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Hà Thị Ph tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012. Tuy anh M và chị Ph chung sống với nhau như vợ chồng trên tinh thần tự nguyện và trong quá trình chung sống có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên đến thời điểm Toà án giải quyết anh chị đều xác nhận không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị Ph chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, do quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh chị không thống nhất được việc chị Ph đi làm ăn xa, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh M có đơn đề nghị không công nhận giữa anh với chị Ph là vợ chồng. Xét yêu cầu khởi kiện của anh M là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh M và chị Ph có hai con chung là Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 07/12/2012 và Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 12/7/2014, hiện nay anh Nguyễn Văn M đang trực tiếp nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án, anh chị thoả thuận anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 07/12/2012 và Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 12/7/2014, chị Ph tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Thanh Tr mỗi tháng 500.000đ, Ph thức cấp dưỡng theo tháng, kể

từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Nguyễn Thanh Tr trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy sự thoả thuận giữa anh M và chị Ph trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Giao hai con chung là Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 07/12/2012 và Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 12/7/2014 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ph tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Thanh Tr mỗi tháng 500.000đ, Ph thức cấp dưỡng theo tháng, kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Nguyễn Thanh Tr trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Tại biên bản hoà giải ngày 14 và ngày 17 tháng 9 năm 2018 anh M và chị Ph xác nhận quá trình chung sống không có tạo lập tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, không phụ thuộc vào việc Toà án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của anh M, theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Chị Hà Thị Ph phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* theo quy định tại điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án

Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 107, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M.

Xử:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn M và chị Hà Thị Ph.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 07/12/2012 và Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 12/7/2014 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ph tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Thanh Tr mỗi tháng 500.000đ, Ph thức cấp dưỡng theo tháng, kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Nguyễn Thanh Tr trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày anh Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Hà Thị Ph chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với thời gian chậm nộp, Lãi suất do các bên thỏa thuận, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số N^{o} 0004776 ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Anh M đã nộp đủ án phí.

Chị Hà Thị Ph phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Anh Nguyễn Văn M và chị Hà Thị Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự";

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)*
- *Chi cục THADS huyện Yên Sơn;(nt)*
- *Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;*
- *Viện kiểm sát ND huyện YS;*
- *UBND xã Lực Hành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà